

CÂU TRONG NGÔN NGỮ CỦA TRẺ BA TUỔI

• **TS. TRẦN THỊ TỐ OANH - NGÔ HIỂN TUYẾN**
Trung tâm Công nghệ giáo dục

1. Vấn đề và phương pháp nghiên cứu

1.1. Câu và quá trình lĩnh hội ngôn ngữ

Những yếu tố có vai trò nhất định trong sự phát triển và hoàn thiện ngôn ngữ của trẻ em như mức độ trưởng thành về mặt thực thể và chức năng của các cơ quan phát âm, trình độ phát triển của hoạt động nhận thức, mức độ nắm vững và sử dụng các quy tắc, luật lệ chung của ngôn ngữ, tình trạng phát triển nhu cầu giao tiếp trong môi trường văn hóa - xã hội - lịch sử, đã được xem xét từ lâu và được phân tích sáng tỏ trong các công trình nghiên cứu tâm lí học ngôn ngữ của Vygotsky, Chomsky, Léonchev, Encônhin, Piaget... Trẻ học cách phát âm, học nắm cấu trúc nghĩa, học cách tổ chức các phát ngôn và các phạm trù ngữ pháp cơ bản. Quá trình tạo từ, tạo câu của trẻ chịu sự tác động của 2 quá trình: " Đó là quá trình phân tích cảnh huống và quá trình tổng hợp hoá ngữ nghĩa của các phương tiện ngôn ngữ. Các phương tiện ngôn ngữ đó là trật tự từ, các hư từ và ngữ liệu" (Nguyễn Tài Cẩn).

Quá trình lĩnh hội ngôn ngữ của cá nhân bao hàm rất nhiều hành động như phát ngôn, nghe hiểu, đọc và đọc hiểu, viết, tạo sinh ngôn bản và văn bản giao tiếp. Tất cả những hành động ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ tương ứng với chúng đều gắn liền với câu và từ. Mặc dù từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, nhưng nó chỉ có giá trị thực sự khi ở trong câu. Nói cách khác, lĩnh hội câu là phần quan trọng bậc nhất trong lĩnh hội ngôn ngữ. Trong câu có từ, có ngữ pháp (ngữ pháp câu gọi là cú pháp, ngữ pháp của từ gọi là từ pháp, còn ngữ pháp của văn bản gọi là ngữ pháp văn bản - chúng đều là các hiện tượng ngữ pháp), có ngữ âm và có cả các hiện tượng nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ. Đối với trẻ 3 tuổi, câu là

công cụ tạo sinh phát ngôn, công cụ giao tiếp nhằm diễn đạt một ý trọn vẹn trong ngữ cảnh trực tiếp và cụ thể.

Câu có vai trò quan trọng như vậy trong phát ngôn của trẻ và trong cả quá trình lĩnh hội ngôn ngữ. Việc đánh giá hiện trạng lĩnh hội câu và mối quan hệ của nó với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ 3 tuổi là vấn đề được đặt ra trong nghiên cứu này.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là sự lĩnh hội và phát triển câu trong ngôn ngữ của trẻ 3 tuổi. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 120 cháu (64 nam, 56 nữ) từ 36 - 48 tháng tuổi trong thời gian từ tháng 8 năm 2004 đến tháng 9 năm 2005 tại trường mẫu giáo dân lập Liễu Giai. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng là quan sát, theo dõi và ghi âm những phát ngôn trong những cuộc giao tiếp tự nhiên của trẻ (trò chơi, giờ học, các sinh hoạt thường ngày của trẻ), phỏng vấn trẻ, trao đổi với các phụ huynh, với giáo viên phụ trách lớp (6 giáo viên, 120 phụ huynh). Chúng tôi đã tiến hành phân tích 1895 câu (897 câu của bé nam, 998 câu của bé nữ).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Loại câu được sử dụng trong ngôn ngữ của trẻ

Việc phân tích loại câu ở đây kết hợp với xem xét các thành phần phụ trạng ngữ và hô ngữ. Loại câu mà trẻ sử dụng được khảo sát theo các tiêu chí: 1/ theo cấu tạo ngữ pháp của câu; 2/ theo mục đích phát ngôn của trẻ. Kết quả nghiên cứu được trình bày trên các bảng 1 và 2.

Đa số các câu của trẻ ba tuổi là câu đơn (90,18%). Câu đơn bình thường chiếm ưu thế so với các loại câu đơn đặc biệt và câu đơn giản lược. Sự khác nhau giữa câu đơn bình thường và

Bảng 1- Loại câu được trẻ sử dụng theo cấu tạo ngữ pháp

Các loại câu	Nam		Nữ		Tổng		
	sl	%	Sl	%	sl	%	
Câu đơn	Câu đơn bình thường	440	56,12	465	52,48	905	54,19
	Câu đơn đặc biệt	110	14,03	132	14,89	242	14,49
	Câu đơn giản lược	149	19,01	210	23,70	359	21,49
	<i>Tổng</i>	699	41,86	807	48,32	1506	90,18
Câu ghép	Câu ghép đẳng lập	49	6,25	38	4,29	87	5,21
	Câu ghép chính phụ	14	1,79	28	3,16	42	2,51
	Câu có thành phần trạng ngữ	22	2,81	13	1,47	35	2,09
	<i>Tổng</i>	85	5,09	79	4,73	164	9,82

Bảng 2- Loại câu được trẻ sử dụng theo mục đích nói

Các loại câu	Nam		Nữ		Tổng	
	sl	%	Sl	%	sl	%
Câu trần thuật	620	32,8	671	35,4	1291	68,2
Câu nghi vấn	84	4,4	97	5,1	181	9,6
Câu cầu khiến	117	6,2	147	7,8	264	13,9
Câu cảm thán	23	1,2	31	1,6	54	2,9

các loại câu còn lại có ý nghĩa thống kê ($p=0,001$). Câu ghép chiếm vị trí khiêm tốn so với câu đơn, nhưng nó có ý nghĩa quan trọng. Sự xuất hiện câu ghép trong quá trình sử dụng ngôn ngữ của trẻ là dấu hiệu mới trong hoạt động ngôn ngữ cũng như hoạt động tư duy của trẻ 3 tuổi. Một dạng câu mới có độ phức tạp hơn đã bắt đầu được trẻ lĩnh hội và sử dụng trong giao tiếp. Giữa trẻ nam và trẻ nữ không có sự khác biệt nhau về các loại câu đơn và câu ghép.

Một số ví dụ về câu đơn bình thường của trẻ 3 tuổi, bao gồm 2 thành phần cơ bản là chủ ngữ và vị ngữ:

- (Dương Hoàng Hải, 48 tháng)

Cháu / vừa lắp xong cái máy bay này.

C

V

- (Đ. V. Hồng Phúc, 41 tháng)

Bu bu / khóc nhè.

C

V

Ví dụ về câu đơn đặc biệt của trẻ:

Câu đặc biệt là câu diễn đạt ý trọn vẹn, chỉ do 1 từ hoặc một nhóm từ tạo thành, không xác định được C-V. Câu đặc biệt chỉ dùng khi thật cần thiết như biểu lộ cảm xúc, tỏ thái độ hay nêu nhận xét về sự việc hiện tượng. Số câu đặc biệt mà trẻ sử dụng chiếm 21,49%:

- (Đỗ Hạnh Nguyên, 47 tháng)

U, ghê thật đấy!

- (Đ. N. Yến Xuân, 48 tháng)

Sao mà nóng thế!

Ví dụ về câu đơn giản lược

Câu đơn giản lược là câu đơn đã bị lược bỏ nhiều thành phần khi cần thiết, chủ ngữ hoặc vị ngữ hoặc hô ngữ. Khi giao tiếp với người lớn tuổi (cô giáo), trẻ thường sử dụng câu rút gọn kèm hô ngữ để biểu lộ thái độ lễ phép. Nhưng trong những mẩu chuyện tự nhiên với bạn bè, trẻ lại ít sử dụng hô ngữ. Số lượng câu đơn giản lược đứng thứ 2 sau số lượng câu đơn bình thường, chiếm 21,49%. Câu rút gọn rất quen thuộc với trẻ trong giao tiếp hàng ngày.

Ví dụ câu rút gọn chủ ngữ:

- (Phạm Đức Khôi, 39 tháng)

Cô ơi, / nhìn cháu này;

Ví dụ câu rút gọn vị ngữ

- Có ai đang làm vườn? - (P. H. Minh Hiếu, 45 tháng) - Có bố tớ.

- Cháu ăn cá nhé?- (Phạm Diệu Linh B, 37 tháng) - *Cháu không ạ!*

Ví dụ câu rút gọn cả chủ ngữ và vị ngữ.

- (Lê Thủy Tiên, 36 tháng) - *Bánh của tớ chứ.*

(Đ.V. Hồng Phúc, 41 tháng) - *Đấy.*

Ví dụ về câu ghép đẳng lập:

Trẻ ba tuổi tiếp nhận và tạo lập câu ghép không nhiều, khoảng 9,82% trong tổng số các câu nói. Khi sử dụng câu ghép đẳng lập, trẻ thường không dùng các quan hệ từ như “và”, “hay”, “còn”, hầu hết sử dụng khoảng chừng (tương tự dấu phẩy) để nối tiếp các vế câu chứ không sử dụng bất cứ quan hệ từ nào.

- (Nguyễn Minh Huyền, 40 tháng) – *Tớ đang lắp, bạn sai rồi.*

Ví dụ về câu ghép chính phụ:

- (Vũ Duy A, 43 tháng) – *Cô ơi, bạn cứ xô cháu rồi bạn phá.*

- (Nguyễn Chúc An, 38 tháng) – *Cho em bé ăn no nên em bé bị chớ.*

Ví dụ về câu có các thành phần phụ:

Câu có thành phần phụ hô ngữ không nhiều lắm, hầu hết là các từ và cụm từ dùng để gọi hoặc xưng hô như “cô ơi”, “bạn này”, “tớ đây” ... Số câu có thành phần phụ trạng ngữ chiếm 2,09%. Trẻ đã có ý thức sử dụng trạng ngữ nhưng chủ yếu là trạng ngữ chỉ thời gian và địa điểm.

- (Hồ Ngọc Trâm, 47 tháng) – *Hôm qua, cháu đi máy bay airline.*

- (Nguyễn Đức Nhân, 37 tháng) – *Ở nhà, mẹ cháu nấu cơm.*

Ví dụ về câu trần thuật:

Trẻ 3 tuổi khi nói phần lớn đều sử dụng câu trần thuật nhằm kể, tả lại sự vật, hiện tượng. Chiếm 68,2% trong tổng số câu phân loại theo mục đích nói, kiểu câu trần thuật là kiểu câu được trẻ sử dụng nhiều nhất trong hoạt động

giao tiếp. Không có sự khác biệt về mức độ sử dụng câu trần thuật giữa nam và nữ, nhưng so với các dạng câu khác (câu nghi vấn, câu cảm thán, câu cầu khiến) sự khác biệt là đáng kể, có ý nghĩa về mặt thống kê ($p = 0,001$).

- (Dương Hoàng Hải, 48 tháng) – Mẹ cháu lấy ba lô cho cháu đi học.

Ví dụ về câu cầu khiến:

Chiếm 13,9%, số lượng câu cầu khiến đứng thứ hai sau câu trần thuật. Trẻ sử dụng câu cầu khiến để bày tỏ ý muốn hay yêu cầu người khác thực hiện theo ý mình. Câu cầu khiến được cấu tạo bởi những phụ từ, trợ từ như “đừng”, “không”, “đi”, “nào”, tạo ý mệnh lệnh cùng với sự nhấn giọng vào những từ ngữ mang nội dung lệnh.

- (Nguyễn Việt Dũng, 47 tháng) - Cậu đánh đi, đánh đi!

Ví dụ về câu nghi vấn:

Câu nghi vấn giúp trẻ nêu lên những điều chưa biết hoặc còn hoài nghi, cần được trả lời, giải thích. Câu nghi vấn được cấu tạo bởi những từ nghi vấn như “à”, “chưa”, “không”, “hả”, “nhé”, “thế này” ... và với sự nhấn giọng vào những từ ngữ mang nội dung hỏi (chiếm 9,6%):

- (Trần Hoàng Phúc, 45 tháng) - Đậy kín hẳn Quý Long nhé?

Ví dụ về câu cảm thán:

Câu cảm thán (2,9%) được dùng để bộc lộ tình cảm, thái độ của trẻ đối với những sự vật, hiện tượng có liên quan. Các phương tiện thường dùng để diễn đạt cảm xúc trong câu cảm thán thường là: các từ cảm thán như “ôi”, “chao ôi” “ô hay”; các trợ từ như “thay”, “nhỉ”, “thế”; các phụ từ như: “la”, “thật”, “quá”, “lắm”, “ghê”...

- (Vũ Yến Nhi, 39 tháng) - Cá bơi đẹp thế!

2.2. Các lỗi trong câu của trẻ

Những lỗi sai của trẻ rất đa dạng, đôi khi không có sự phân biệt ranh giới rõ ràng. Các lỗi này được phân làm 2 loại ứng với hai kiểu câu: câu sai về cấu tạo ngữ pháp và câu sai về nghĩa. Số câu lỗi so với tổng số câu chiếm 10,31%. Điều đó chứng tỏ trẻ đã biết được và sử dụng thành thạo cách tạo lập câu. Số câu lỗi về nghĩa lớn hơn so với số câu lỗi về cấu trúc ngữ pháp (76,56% và 23,43%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p = 0,001$). Không có sự khác biệt nhau giữa nam và nữ về số lượng lỗi và dạng lỗi câu.

Ví dụ về lỗi cấu tạo ngữ pháp

Lỗi cấu tạo ngữ pháp của câu là những lỗi thuộc về cấu trúc câu như: thiếu hoặc thừa thành phần câu, không phân định các thành phần câu hoặc sắp xếp sai vị trí các thành phần câu. Những lỗi trẻ thường gặp như sau:

- Câu không xác định rõ thành phần (2,1%)

Câu không xác định rõ thành phần (còn gọi là câu có thành phần rời rạc) là những câu về cấu tạo khó xác định các bộ phận câu kết hợp với nhau theo quan hệ ngữ pháp nào. Câu không xác định thành phần có thể ngắn, có thể dài, càng dài càng rối và lủng củng. Về ý nghĩa, mối quan hệ ý nghĩa giữa các bộ phận câu cũng không rõ ràng chính xác, không lôgic. Do đó câu rất tối nghĩa hoặc vô nghĩa. Nguyên nhân chính khiến trẻ mắc lỗi này là do trẻ 3 tuổi chưa kịp chuẩn bị nội dung cần nói, chưa tìm được các từ, cụm từ phù hợp để biểu đạt nội dung cần nói.

+ (Vũ Đức Quang, 40 tháng) – Một lúc, cái con vật trèo lên bắt đi một.

- Sắp xếp sai vị trí các thành phần câu (0,3%)

+ (Đỗ Hoàng Đức, 40 tháng) –Chẳng chơi nó gì nữa cả. (Trật tự ngữ pháp đúng là: Nó chẳng chơi gì nữa cả.)

Ví dụ câu có lỗi về nghĩa

- Câu sử dụng từ sai nghĩa, lệch nghĩa (3,4%)

+ (Đỗ Hoàng Đức, 40 tháng) –Chuối bị thủng (sửa thành: Chuối bị thối).

- Câu sử dụng từ lặp (0,9%): Trẻ sử dụng từ, cụm từ nhiều lần để diễn đạt ý tưởng khiến câu tối nghĩa. Hầu hết những lỗi lặp từ của trẻ thường mắc phải khi trẻ kể chuyện, khi trẻ thực hiện những phát ngôn dài, chứa đựng nhiều thông tin. (Ví dụ: (Nguyễn Thục Khanh, 36 tháng) – Đây là con dê màu đen, đây là con dê màu trắng, hai con này nó húc nhau, xong rồi nó bị ngã xuống nước, con hươu màu trắng bị ngã xuống nước.)

- Câu không rõ nghĩa (3%): Đây là những câu đúng về mặt cấu tạo ngữ pháp, nghĩa là có đầy đủ 2 thành phần chính nhưng còn thiếu những thành phần phụ cần thiết. (Ví dụ: (Vũ Đức Quang, 40 tháng) – Các con gà đã biết. (cần thêm bổ ngữ cho động từ “biết”: Các con gà đã biết gáy).

- Không có sự tương hợp về nghĩa giữa các thành phần câu, giữa các vế câu (0,5%): Có thể hiểu loại lỗi câu này là loại lỗi từ vựng và ngữ

pháp vì lỗi câu ở đây có nguyên nhân từ việc không hiểu nghĩa của từ và khả năng kết hợp của từ. Trẻ 3 tuổi ít khi mắc lỗi này, vì các câu trẻ sử dụng thường có kết cấu khá đơn giản, nội dung ngắn gọn dễ hiểu. (Vũ Đức Quang, 40 tháng) –Con sẽ làm mẹ, tớ sẽ làm bố).

2.3. Phân tích nhóm trong lĩnh hội câu

2.3.1. Phân nhóm trẻ theo số lượng câu nói

Cùng trong một độ tuổi nhưng sự tiếp nhận và tạo lập câu ở mỗi bé là khác nhau. Có bé có khả năng tiếp nhận và tạo lập rất cao nhưng cũng có bé khả năng tiếp nhận và tạo lập kém. Số lượng các phát ngôn của trẻ có sự chênh lệch rõ ràng từ 1 đến 102 câu. Đa số trẻ có lượng câu nghiêng về mức độ trung bình thấp (68,84%). Tỷ lệ 31,36% trẻ có số lượng câu lớn chứng tỏ nhu cầu chủ động tham gia vào hoạt động giao tiếp, nhu cầu chia sẻ thông tin, tình cảm, nhu cầu sử dụng ngôn ngữ như một công cụ quan trọng trong đời sống đang hình thành và ngày càng giữ một vai trò to lớn hơn. Tóm lại, sự chênh lệch về số lượng các phát ngôn của trẻ là rất lớn.

2.3.2. Phân nhóm trẻ theo loại câu xét về cấu trúc ngữ pháp (Bảng 3)

Đa số trẻ 3 tuổi đã biết sử dụng trên 3 loại câu theo cấu trúc ngữ pháp. Có thể coi 3 tuổi là giai đoạn trẻ bắt đầu lĩnh hội và luyện tập sử dụng các loại câu có cấu trúc ngữ pháp khác nhau trong hoạt động ngôn ngữ của bản thân. Sự phân hóa giữa các cá nhân trẻ tương đối lớn, trong khi 28,81% trẻ chỉ biết sử dụng từ 1 đến 2 loại câu thì lại có 16,95 % trẻ biết dùng từ 5 đến 6 loại câu, nghĩa là cả câu đơn và câu ghép, câu

có thành phần phụ trạng ngữ.

2.3.3. Phân nhóm trẻ theo loại câu xét về mục đích nói (Bảng 4)

Loại câu trẻ tiếp nhận và tạo lập tỉ lệ thuận với số lượng câu mà trẻ tiếp nhận và tạo lập. Trẻ có số lượng câu nhiều thì mức độ các kiểu câu được sử dụng cũng phong phú và đa dạng. Số lượng câu trẻ sử dụng ở mỗi kiểu loại là khác nhau. Có những kiểu câu có cháu sử dụng tới 59 lần (câu trần thuật), 41 lần (câu đơn bình thường). Nhưng cũng có những kiểu câu trẻ không sử dụng lần nào như câu ghép chính phụ và câu sắp xếp sai vị trí các thành phần câu. Điều đó có nghĩa là trong bản thân mỗi trẻ đã có sự khác nhau. Không có sự khác biệt lớn giữa nam và nữ, tuy rằng các bé nam có trội hơn trong số trẻ sử dụng 3 loại câu theo chức năng (nam 25,42%, nữ 16,95%). Nhìn bảng 5 có thể kết luận rằng về cơ bản, trẻ đã biết sử dụng nhiều chức năng của câu: trần thuật, nghi vấn, cảm thán, câu khiến. Ba tuổi cũng là giai đoạn trẻ bắt đầu tính hội và sử dụng các chức năng của câu tùy theo mục đích giao tiếp của bản thân.

2.4. Số lượng từ trong câu của trẻ

2.4.1. Phân loại câu theo số từ trong câu

Các câu của trẻ được chia làm 3 loại: Câu từ 1 đến 3 từ (29%); Câu từ 4 đến 7 từ (53%); Câu trên 7 từ (17%). Đa số trẻ 36-48 tháng tuổi có khả năng sử dụng các câu dài từ 4 đến 7 từ, phù hợp với trình độ phát triển ngôn ngữ của trẻ em thế giới hiện nay. Trung bình số từ trong 1 câu là khá lớn: 7, 87 từ /1 câu. Không có sự khác biệt

Bảng 3- Phân nhóm trẻ theo loại câu xét về cấu trúc ngữ pháp

Nhóm trẻ theo loại câu	Nam		Nữ		Tổng	
	sl	%	sl	%	sl	%
1 loại câu	5	4,24	7	5,93	12	10,17
2 loại câu	10	8,47	12	10,17	22	18,64
3 loại câu	24	20,34	17	14,41	41	34,75
4 loại câu	13	11,02	10	16,95	33	27,97
5 loại câu	9	7,63	4	3,39	13	11,02
6 loại câu	2	1,69	6	4,24	7	5,93

Bảng 4- Phân nhóm trẻ theo loại câu xét về mục đích nói

Nhóm trẻ theo loại câu	Nam		Nữ		Tổng	
	sl	%	sl	%	sl	%
1 loại câu	6	5,08	12	10,17	18	15,25
2 loại câu	21	17,79	15	12,72	36	30,51
3 loại câu	30	25,42	20	16,95	50	42,37
4 loại câu	5	4,24	9	7,52	14	11,86

giữa trẻ em nam và trẻ em nữ về trung bình số từ trong 1 câu.

2.4.2. *Thứ bậc linh hội câu và loại câu xét theo số lượng từ*

Loại câu từ 4 đến 7 từ luôn chiếm thứ hạng cao trong hệ thống thứ bậc loại câu khi trẻ sử dụng trong hoạt động giao tiếp (78,83% trẻ sử dụng câu ở vị trí thứ nhất). Có sự khác biệt giữa nam và nữ đối với loại câu từ 1 đến 3 từ ở vị trí thứ hai (32,81% và 46,43%) và câu trên 7 từ ở vị trí thứ ba (25% và 37,5%). Các bé nữ có khả năng linh hoạt hơn trong sử dụng câu ngắn cũng như câu dài.

3. Kết luận

3.1. Trẻ 3 tuổi hầu như sử dụng được và đúng tất cả các loại câu theo cấu trúc ngữ pháp cũng như theo chức năng ở mức độ đơn giản. Về cấu tạo ngữ pháp, trẻ sử dụng nhiều nhất là câu đơn bình thường. Bên cạnh đó, trẻ còn sử dụng câu rút gọn (giản lược) và câu đặc biệt trong những tình huống giao tiếp cụ thể với số lượng không nhiều. Trẻ cũng sử dụng được các loại câu ghép bao gồm cả câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ, câu có thành phần phụ. Tuy nhiên việc tiếp nhận và tạo lập câu ghép ở trẻ mới ở giai đoạn đầu. Về mục đích nói, trẻ không chỉ tiếp nhận mà còn tạo lập các kiểu câu một cách thuần thục, song mức độ sử dụng các kiểu câu này có sự chênh lệch rõ rệt. Kiểu câu trần thuật là kiểu câu được sử dụng nhiều nhất, tiếp đó là câu cầu khiến, câu nghi vấn và câu cảm thán. Sự khác biệt này do đặc điểm tâm sinh lí, nhu cầu nhận thức, khả năng tư duy và sự tác động của môi trường sống đối với mỗi trẻ. Trẻ sử dụng chủ yếu loại câu từ 4 đến 7 từ. Số từ trung bình trong một câu là khá lớn. Không có sự khác biệt giữa nam và nữ khi so sánh lượng từ trong 1 câu.

3.2. Nhu cầu giao tiếp của trẻ 3 tuổi hình thành và phát triển mạnh mẽ. Trẻ sử dụng ngôn ngữ nói riêng, và câu nói chung như một công cụ hiệu quả trong hoạt động sống nhằm tác động đến các đối tượng khác (bà, mẹ, cô, bạn bè...). Sự phát triển ngôn ngữ của cá nhân trẻ có sự phân hóa rõ rệt về số lượng câu, về dạng câu theo cấu trúc ngữ pháp cũng như chức năng. Tuy nhiên giữa trẻ nam và trẻ nữ không có sự khác biệt nhau trong sự phát triển ngôn ngữ cá nhân.

3.3. Trong quá trình tiếp nhận, tạo lập và sử dụng câu vào trong hoạt động giao tiếp, trẻ còn gặp một số khó khăn như hiểu biết về cuộc sống, về môi trường xung quanh chưa nhiều, vốn từ ngữ và những hiểu biết về các qui tắc, luật lệ trong ngôn ngữ như một thực thể còn nghèo nàn, chưa chính xác, cách suy nghĩ và tư duy đơn giản. Những lí do này dẫn đến một số lỗi khi sử dụng câu mặc dù số lỗi này chiếm một phần nhỏ. Xét về cấu trúc câu, trẻ còn đưa ra những câu chưa rõ thành phần hoặc những câu sắp xếp sai những vị trí các thành phần. Xét về nghĩa của câu, trẻ còn sử dụng những câu không rõ nghĩa, không có sự tương hợp về nghĩa giữa các thành phần câu, giữa các vế câu, thậm chí có những câu sai nghĩa.

3.4. Để phát triển ngôn ngữ trẻ ba tuổi, các nhà giáo dục nên tổ chức, tạo lập môi trường giáo dục ngôn ngữ phong phú để trẻ có thể khám phá, tiếp nhận, tự trải nghiệm thế giới xung quanh cùng với hoạt động ngôn ngữ, bằng hoạt động ngôn ngữ và các tình huống sử dụng ngôn ngữ như công cụ giao tiếp chủ đạo, hữu hiệu trong cuộc sống thường ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Cận (2003). *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Vũ Bá Hùng (1999). *Về sự tiếp nhận ngôn ngữ thứ nhất của trẻ em ở lứa tuổi tiến học đường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thín (2001). *Câu Tiếng Việt và nội dung dạy học câu Tiếng Việt ở nhà trường phổ thông*, NXB ĐHQG Hà Nội.
4. Speech and Language (2005). *Developmental milestones*, NIDCD, USA.
5. Chomsky N (2005). *Language and thought*.

SUMMARY

The article presents some research results concerning the perception and language development of 3-year-olds while showing the research methods and some specific outcomes obtained about types of sentences used by young children, the mistakes commonly committed by them, an analyzing groups of perceiving sentences, thereby suggesting orientations in developing the language of 3-year-olds.